

BẢNG SO SÁNH THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ THAY THẾ THÔNG TƯ 24/2014/TT-NHNN HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI

1. Cơ sở pháp lý, cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương ban hành tại Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đề ra một trong những quan điểm chỉ đạo *“Công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; là một nhiệm vụ trọng tâm của tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.”*

Căn cứ xây dựng, ban hành Quyết định 1395 là Luật Tổ chức Chính phủ, Luật BHTG năm 2012. Hiện nay, những văn bản này đã được thay thế, sửa đổi, bổ sung (Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật BHTG 2025)

- Khoản 5 Điều 14 Luật BHTG 2025 quy định *“Yêu cầu tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm, thông tin khác liên quan đến việc trả tiền bảo hiểm, thông tin liên quan phục vụ việc thực hiện kiểm tra của tổ chức bảo hiểm tiền gửi quy định tại khoản 10 Điều này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”*.

- Khoản 1 Điều 19 Luật BHTG 2025 quy định: *“Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức phí bảo hiểm tiền gửi, việc áp dụng phí bảo hiểm tiền gửi đồng hạng hoặc phân biệt phù hợp với đặc thù hệ thống tổ chức tín dụng tại Việt Nam trong từng thời kỳ.”*

- Khoản 8 Điều 19 Luật BHTG 2025 quy định: *“Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi.”*

- Khoản 3 Điều 29 Luật BHTG 2025 quy định: “*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định phương thức đầu tư của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và quy trình kiểm soát, quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.*”

- Khoản 3 Điều 33 Luật BHTG 2025 quy định: “*3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cung cấp thông tin về tiền gửi của khách hàng tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi.*”

2. Cơ sở thực tiễn

Ngày 31/12/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2835/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, trong giao NHNN chủ trì soạn thảo Nghị định quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý đầu tư vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trình Chính phủ trong tháng 3/2026.

II. NGUYÊN TẮC, ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Nguyên tắc xây dựng dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư được xây dựng để hướng dẫn khoản 5 Điều 14, khoản 1 Điều 19, khoản 8 Điều 19, khoản 3 Điều 29, khoản 3 Điều 33 Luật BHTG 2025

2. Định hướng xây dựng dự thảo Thông tư

- Kế thừa các quy định tại Thông tư 24/2014/TT-NHNN của Thống đốc NHNN hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi.

- Hướng dẫn cụ thể một số quy định tại Luật BHTG 2025 được giao tại Quyết định 2835/QĐ-TTg.

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTG) triển khai hoạt động bảo hiểm tiền gửi trong thời gian vừa qua

III. TÊN VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Tên dự thảo Thông tư

Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi.

2. Bố cục của dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư được xây dựng gồm 06 Chương:

Chương I: Quy định chung

Chương II: Hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Chương III: Phương thức đầu tư, kiểm soát, quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư

Chương IV: Cung cấp thông tin và hoạt động kiểm tra của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

Chương V: Tổ chức thực hiện

STT	Thông tư 24/2014/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi: nội dung Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi; cấp và thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi sáp nhập, hợp nhất; bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi niêm yết tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; thời hạn nộp và tính phí bảo hiểm tiền gửi; thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm; thủ tục trả tiền bảo hiểm và việc thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả từ tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; mở và sử dụng tài khoản của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi: <u>việc tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi; thủ tục trả tiền bảo hiểm và việc thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả từ tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; mở và sử dụng tài khoản của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước); phương thức đầu tư và quy trình kiểm soát, quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; cung cấp thông tin và hoạt động kiểm tra của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam..</u>	Căn cứ khoản 5 Điều 15 Luật BHTG “ <i>Tổ chức bảo hiểm tiền gửi ban hành văn bản hướng dẫn việc cấp, cấp lại, thu hồi, tạm thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi</i> ”. Do đó, Thông tư không hướng dẫn việc cấp, thu hồi GCN tham gia BHTG, nội dung Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi. BHTGVN chủ động ban hành văn bản hướng dẫn nội dung này đảm bảo phù hợp Luật BHTG. Thông tư bổ sung phạm vi điều chỉnh hướng dẫn theo

	Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước); mua tín phiếu Ngân hàng Nhà nước.		quy định tại khoản 8 Điều 19, khoản 3 Điều 29 Luật BHTG
	Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau: 1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. 2. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô. 3. Người được bảo hiểm tiền gửi. 4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi.	Giữ nguyên	
	Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ	Chương II HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI	
	Điều 3. Nội dung Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi 1. Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm những nội dung sau: a) Tên tổ chức bảo hiểm tiền gửi; b) Tên tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; c) Nội dung khác theo quy định của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. 2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi nội dung Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, tổ chức tham gia bảo	Lược bỏ	Nội dung này BHTG ban hành văn bản hướng dẫn theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Luật BHTG

hiểm tiền gửi thực hiện việc đề nghị cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 68/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm tiền gửi. 3. Trường hợp Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thay đổi mẫu Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thông báo cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đề cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.		
Điều 4. Cấp và thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi hợp nhất, sáp nhập 1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi đã cấp cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị hợp nhất, bị sáp nhập khi Ngân hàng Nhà nước thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức này. 2. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi nhận sáp nhập thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp có sự thay đổi thông tin Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này. 3. Tổ chức mới được hình thành sau khi	Lược bỏ quy định này	Nội dung này BHTG ban hành văn bản hướng dẫn theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Luật BHTG

	hợp nhất thực hiện thủ tục đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Điều 14 Luật Bảo hiểm tiền gửi.		
	Điều 5. Bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi niêm yết tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi 1. Bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi niêm yết tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Điều 15 Luật Bảo hiểm tiền gửi là bản sao do Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cấp từ sổ gốc. 2. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi căn cứ theo số lượng điểm giao dịch của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có nhận tiền gửi của cá nhân. 3. Hồ sơ đề nghị cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm: a) Văn bản đề nghị cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi trong đó ghi rõ số lượng bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi đề nghị cấp; b) Danh sách điểm giao dịch có nhận tiền gửi của cá nhân chưa được cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi để niêm yết; c) Bản sao văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về việc thành lập điểm	Lược bỏ quy định này	Luật BHTG lược bỏ quy định về niêm yết bản sao Chứng nhận tham gia BHTG

	giao dịch đề nghị cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi. 4. Trường hợp có nhu cầu cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi lập một bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam xem xét, đối chiếu với sổ gốc để cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. Nội dung bản sao phải đúng với nội dung đã ghi trong sổ gốc.		
	Điều 6. Thời hạn nộp phí bảo hiểm tiền gửi Phí bảo hiểm tiền gửi được tính và nộp định kỳ hàng quý trong năm tài chính. Chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu tiên quý thu phí, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp phí trùng vào ngày Lễ, Tết, ngày nghỉ cuối tuần thì tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được nộp vào ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ Lễ, Tết, ngày nghỉ cuối tuần đó.	Điều 3. Thời hạn nộp phí bảo hiểm tiền gửi Giữ nguyên	2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ Bổ sung quy định về thời

		<u>thời hạn nộp phí bảo hiểm tiền gửi quy định tại khoản 1 Điều này, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, trong đó nêu rõ nội dung truy thu hoặc thoái thu (nếu có). Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi/ Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm thực hiện văn bản thông báo trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc.</u>	điểm BHTG có trách nhiệm tính phí BHTG để đối chiếu với kết quả tính phí BHTG của tổ chức tham gia BHTG. Trường hợp kết quả có sự chênh lệch, BHTG có trách nhiệm thoái thu hoặc tổ chức tham gia BHTG có trách nhiệm nộp khoản phí còn thiếu.
	Điều 7. Tính phí bảo hiểm tiền gửi 1. Cơ sở tính phí bảo hiểm tiền gửi của quý thu phí là toàn bộ số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi của quý trước liền kề quý thu phí. 2. Số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp của quý thu phí tính bằng công thức sau: $P = \frac{\frac{S_0 + S_3}{2} + S_1 + S_2}{3} \times \frac{m}{4}$	Điều 4. Tính phí bảo hiểm tiền gửi <u>1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi theo mức 0,15%/ năm tính trên số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.</u> Giữ nguyên 3. Số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp của quý thu phí <u>được</u> tính bằng công thức sau:	Hướng dẫn tính phí theo quy định tại khoản 8 Điều 19 Luật BHTG. DTTT giữ nguyên mức phí tại Nghị định 89/1999/NĐ-CP ngày 01/09/1999 của Chính phủ quy định về bảo hiểm tiền gửi (đã được sửa đổi, bổ sung)

	Trong đó: - P: là số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp của quý thu phí. - S0: là số dư tiền gửi được bảo hiểm đầu tháng thứ nhất của quý trước liền kề quý thu phí. - S1, S2, S3: là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối các tháng thứ nhất, tháng thứ hai, tháng thứ ba của quý trước liền kề quý thu phí. - m: là mức phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp. 3. Trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tính và nộp phí cho quý đầu tiên tham gia bảo hiểm tiền gửi áp dụng theo công thức sau: $P = \sum_{i=1}^n S_i \times \frac{m}{360}$ Trong đó: - P: là số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp của quý đầu tiên. - Si: là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày thứ i (i=1 → n; S1 là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối ngày đầu tiên nhận tiền gửi; Sn là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày cuối cùng của quý đầu tiên).	3. Trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tính và nộp phí cho quý đầu tiên tham gia bảo hiểm tiền gửi áp dụng theo công thức sau: $P = \sum_{i=1}^n S_i \times \frac{m}{365}$	Sửa số 360 thành 365 để phù hợp với các quy định về nguyên tắc tính lãi cũng như phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 điều 146 Luật Dân sự năm 2015 quy định về thời hạn, thời điểm tính thời hạn “một năm là 365 ngày”
--	---	---	---

	- m: là mức phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp. 4. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi sau sáp nhập, hợp nhất áp dụng công thức tính phí bảo hiểm tiền gửi quy định	<u>5. Trường hợp có quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt, số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp được tính bằng công thức quy định tại khoản 4 Điều này; trong đó S_i là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày thứ i ($i = 1 \rightarrow n$); S_1 là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối ngày đầu tiên của quý mà quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt có hiệu lực; S_n là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối ngày cuối cùng trước khi quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt có hiệu lực.</u> <u>6. Trường hợp có quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt để trở lại hoạt động bình thường, số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp được tính bằng công thức theo quy định tại khoản 4 Điều này; trong đó S_i là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày thứ i ($i = 1 \rightarrow n$); S_1 là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối ngày liền kề sau ngày quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt có hiệu lực; S_n là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối ngày cuối cùng của quý mà quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt</u>	
--	--	---	--

	tại khoản 2 Điều này, trong đó S0 là tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm của các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tham gia sáp nhập, hợp nhất đầu tháng thứ nhất của quý trước liền kề quý thu phí; S1, S2, S3 là tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm của các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tham gia sáp nhập, hợp nhất cuối các tháng thứ nhất, tháng thứ hai, tháng thứ ba của quý trước liền kề quý thu phí. 5. Số dư tiền gửi được bảo hiểm, phí bảo hiểm tiền gửi và phí nộp thiếu, nộp chậm được làm tròn số đến đơn vị nghìn đồng theo nguyên tắc: a) Lớn hơn hoặc bằng ($\geq$) 500 đồng làm tròn lên 1.000 đồng. b) Nhỏ hơn ($<$) 500 đồng làm tròn về 0 đồng.	<u>có hiệu lực.</u> 7. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi sau sáp nhập, hợp nhất áp dụng công thức tính phí bảo hiểm tiền gửi quy định tại khoản 3 Điều này, trong đó S0 là tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm đầu tháng thứ nhất của quý trước liền kề quý thu phí của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tham gia sáp nhập, hợp nhất; S1, S2, S3 là tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối các tháng thứ nhất, tháng thứ hai, tháng thứ ba của quý trước liền kề quý thu phí. Lược bỏ	Bổ sung cách tính phí BHTG đối với các TCTD được đặt vào kiểm soát đặc biệt. Bổ sung cách tính phí BHTG đối với các TCTD có quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt Chỉnh sửa kỹ thuật phù hợp
--	--	---	--

			Thực tế việc nộp phí thông qua hình thức chuyển khoản nên không cần quy định làm tròn
	Điều 8. Thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm 1. Nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm phát sinh kể từ thời điểm Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vẫn lâm vào tình trạng phá sản hoặc Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.	Lược bỏ	Điều 21 Luật BHTG đã quy định vấn đề này

	2. Tại văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán quy định tại khoản 1 Điều này phải nêu rõ việc tổ chức tín dụng không khôi phục được khả năng thanh toán (lâm vào tình trạng phá sản) để làm cơ sở cho việc trả tiền bảo hiểm tiền gửi.		
		<u>Điều 5. Miễn, tạm hoãn nộp phí bảo hiểm tiền gửi</u> <u>1. Khi nhận được quyết định kiểm soát đặc biệt, quyết định gia hạn thời hạn kiểm soát đặc biệt, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam gửi thông báo cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi về việc miễn nộp phí bảo hiểm tiền gửi và đề nghị tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi xác nhận số tiền phí bảo hiểm tiền gửi nộp thiếu, nộp chậm và khoản tiền chậm nộp (nếu có) đã phát sinh trước thời điểm tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được đặt vào kiểm soát đặc biệt..</u> <u>2. Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm gửi văn bản cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam về số tiền phí bảo hiểm tiền gửi nộp thiếu, nộp chậm và khoản tiền chậm nộp (nếu có) đã phát sinh trước thời điểm tổ chức tham</u>	Hướng dẫn quy trình thực hiện thủ tục miễn, tạm hoãn nộp phí BHTG tại khoản 4 Điều 19 Luật BHTG

		<u>gia bảo hiểm tiền gửi được đặt vào kiểm soát đặc biệt.</u> <u>3. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để hoàn trả đầy đủ khoản tiền được tạm hoãn trong phương án cơ cấu lại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và gửi kế hoạch đã được phê duyệt tới Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.</u>	
		<u>Điều 6. Số tiền bảo hiểm được trả</u> <u>Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm tiền gốc và tiền lãi tính đến thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tối đa bằng hạn mức chi trả tiền bảo hiểm quy định tại Điều 22 của Luật Bảo hiểm tiền gửi.</u> <u>Trường hợp người được bảo hiểm tiền gửi có khoản nợ tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thì số tiền gửi được bảo hiểm là số tiền còn lại sau khi trừ khoản nợ đó.</u>	Bổ sung làm rõ số tiền bảo hiểm được trả chỉ đối với các khoản tiền gửi được bảo hiểm và tính tới thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm.
	Điều 9. Thủ tục trả tiền bảo hiểm 1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải gửi Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm. Hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm do người đại diện tổ chức tham gia bảo	Điều 7. Thủ tục trả tiền bảo hiểm 1. Trong thời hạn <u>05</u> ngày làm việc, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải gửi Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm. Hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm do người đại diện tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi quy	Quy định phù hợp khoản 1 Điều 24 Luật BHTG 2025

	hiểm tiền gửi quy định tại khoản 2 Điều này ký, bao gồm: a) Văn bản đề nghị trả tiền bảo hiểm theo mẫu quy định của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; b) Danh sách người được bảo hiểm tiền gửi theo mẫu quy định của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, trong đó ghi rõ số tiền gửi được bảo hiểm (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi) và khoản nợ tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi (nếu có, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi) của từng người được bảo hiểm tiền gửi tính đến ngày phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; số tiền bảo hiểm đề nghị trả cho từng người được bảo hiểm tiền gửi. c) Bản sao văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. 2. Người đại diện tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện các thủ tục đề nghị trả tiền bảo hiểm: a) Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn	định tại khoản 2 Điều này ký, bao gồm: a) Văn bản đề nghị trả tiền bảo hiểm theo mẫu quy định của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; b) Danh sách người được bảo hiểm tiền gửi theo mẫu quy định của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, trong đó ghi rõ số tiền gửi được bảo hiểm (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi) và khoản nợ tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi (nếu có, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi) của từng người được bảo hiểm tiền gửi tính đến ngày phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; số tiền bảo hiểm đề nghị trả cho từng người được bảo hiểm tiền gửi. 2. Người đại diện tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện các thủ tục đề nghị trả tiền bảo hiểm: a) Sau <u>thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm</u>, người đại diện theo pháp	Quy định phù hợp Điều 6 dự thảo Thông tư
--	---	---	---

	bản văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vẫn lâm vào tình trạng phá sản, người đại diện theo pháp luật của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tiếp tục là người đại diện tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi để thực hiện các thủ tục đề nghị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền. b) Trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị khuyết người đại diện theo pháp luật hoặc trong trường hợp cần thiết khác, Ngân hàng Nhà nước chỉ định cán bộ của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi hoặc cán bộ của Ngân hàng Nhà nước là người đại diện tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện các thủ tục đề nghị trả tiền bảo hiểm. 3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tiến hành kiểm tra các chứng từ, sổ sách để xác định số tiền bảo hiểm phải chi trả. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, chứng từ	luật của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tiếp tục là người đại diện tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi để thực hiện các thủ tục đề nghị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền. Giữ nguyên	
--	---	--	--

	theo yêu cầu của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam để phục vụ việc kiểm tra, xác định số tiền chi trả. Trường hợp kiểm tra chứng từ, sổ sách để xác định số tiền chi trả phát hiện dấu hiệu vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam báo cáo, kiến nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, kiểm tra, thanh tra, xử lý. Căn cứ kết quả kiểm tra của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cung cấp, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam lập danh sách người được trả tiền bảo hiểm và số tiền bảo hiểm trả cho từng người. 4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều này, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải có phương án trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi; thông báo công khai về địa điểm, thời gian, phương thức trả tiền bảo hiểm trên ba số liên tiếp của một tờ báo trung ương, một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và trên một báo điện tử của Việt Nam; niêm yết danh sách người được trả tiền bảo hiểm và số tiền bảo hiểm trả cho từng người	Giữ nguyên 4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều này, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải có phương án trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi; thông báo công khai về địa điểm, thời gian, phương thức trả tiền bảo hiểm trên ba số liên tiếp của một tờ báo trung ương, một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và trên một báo điện tử của Việt Nam, <u>trang thông tin điện tử của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các hình thức khác do Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam quyết định.</u>	Quy định phù hợp khoản 3 Điều 24 Luật BHTG Không quy định việc niêm yết danh sách người được trả tiền bảo hiểm và số tiền bảo hiểm đảm bảo bảo mật
--	--	--	--

	tại địa điểm đã thông báo.		thông tin
	Điều 10. Thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả từ tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi 1. Kể từ ngày trở thành chủ nợ của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ nợ theo quy định của pháp luật. 2. Khoản tiền Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải trả cho người gửi tiền được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phá sản được xác định theo danh sách người được trả tiền bảo hiểm và số tiền bảo hiểm trả cho từng người theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư này. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được thanh toán khoản tiền phải trả cho người gửi tiền được bảo hiểm theo thứ tự phân chia giá trị tài sản của tổ chức tín dụng bị phá sản theo quy định tại Luật Phá sản.	Điều 8. Thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả từ tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi 1. Kể từ ngày trở thành chủ nợ của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại khoản 1 <u>Điều 26</u> Luật Bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ nợ theo quy định của pháp luật. 2. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được thanh toán khoản tiền phải trả cho người gửi tiền được bảo hiểm theo thứ tự phân chia giá trị tài sản của tổ chức tín dụng bị phá sản theo quy định tại Luật Phá sản.	Chỉnh sửa trích dẫn phù hợp DTTT không quy định việc niêm yết danh sách trả tiền bảo hiểm
	Điều 11. Mở và sử dụng tài khoản thanh toán của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại ngân hàng 1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được mở tài khoản thanh toán tại các ngân hàng và	Điều 9. Mở và sử dụng tài khoản thanh toán của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại ngân hàng 1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được mở tài khoản thanh toán tại các ngân hàng và	Luật BHTG 2025 đã quy định BHTGVN được gửi

	chỉ được sử dụng các tài khoản này cho mục đích thanh toán phục vụ các hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam không được gửi tiền tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 2. Tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại các ngân hàng được hưởng lãi theo mức lãi suất do ngân hàng ấn định phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.	chỉ được sử dụng các tài khoản này cho mục đích thanh toán phục vụ các hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Giữ nguyên	tiền tại TCTD
	Điều 12. Mở tài khoản của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Ngân hàng Nhà nước 1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước để gửi tiền từ nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi và hưởng mức lãi suất do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ. 2. Thủ tục mở tài khoản của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Ngân hàng Nhà nước được thực hiện như quy định về thủ tục mở tài khoản thanh toán cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước.	Điều 10. Mở tài khoản của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Ngân hàng Nhà nước Giữ nguyên	
		CHƯƠNG III PHƯƠNG THỨC ĐẦU TƯ, KIỂM SOÁT, QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	

		<u>Điều 11. Phương thức đầu tư</u> <u>1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện trực tiếp đầu tư đối với các hoạt động đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Bảo hiểm tiền gửi.</u> <u>2. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được ủy thác đầu tư đối với các hoạt động đầu tư: mua, bán trái phiếu Chính phủ; mua, bán trái phiếu được phát hành bởi ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, ngân hàng thương mại cổ phần do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Trường hợp ủy thác đầu tư, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam xây dựng phương án thực hiện được Hội đồng quản trị thông qua trong phương án đầu tư hằng năm.</u> <u>3. Phương án đầu tư bằng phương thức ủy thác đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các nội dung chính sau:</u> <u>a) Sự cần thiết đầu tư bằng phương thức ủy thác;</u> <u>b) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn tổ chức nhân ủy thác đầu tư, trong đó tổ chức nhân ủy thác đầu tư là các công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại có chức năng nhân ủy thác đầu tư theo quy định của pháp luật có liên</u>	Hướng dẫn phương thức đầu tư theo quy định khoản 3 Điều 29 Luật BHTG 2025, dự thảo Thông tư quy định BHTG được đầu tư dưới 1 trong 2 hình thức nhằm tạo sự linh hoạt. Tuy nhiên vẫn đảm bảo tính an toàn của các hoạt động đầu tư
--	--	--	--

		<u>quan;</u> <u>c) Các nội dung ủy thác: phạm vi, sản phẩm ủy thác; quyền, nghĩa vụ, cam kết của các bên; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác; xử lý tranh chấp các nội dung ủy thác khác;</u> <u>d) Phương án xử lý trong trường hợp tổ chức nhận ủy thác đầu tư không thực hiện được các nội dung ủy thác;</u> <u>đ) Các biện pháp quản lý để đảm bảo kiểm soát hoạt động thuộc phạm vi ủy thác của bên nhận ủy thác;</u> <u>e) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý.</u> <u>3. Trên cơ sở phương án được Hội đồng quản trị thông qua, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam lựa chọn tổ chức ủy thác đầu tư và ký hợp đồng, trong đó bao gồm các nội dung quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều này.</u>	
		CHƯƠNG IV KIỂM SOÁT, QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	
		<u>Điều 12. Kiểm soát, quản lý rủi ro</u> <u>1. Ban hành các quy chế nghiệp vụ gồm: quy chế đầu tư, quy chế quản lý rủi ro, quy trình kiểm toán nội bộ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này và quy chế khác theo yêu cầu kiểm soát, quản lý rủi ro</u>	DTTT quy định một số quy chế nghiệp vụ cơ bản đối với việc kiểm soát, quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư của BHTG

		<u>trong hoạt động đầu tư của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.</u> <u>2. Thực hiện đầu tư theo phương án đầu tư được phê duyệt; thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện để có biện pháp xử lý theo thẩm quyền và báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh hoặc bổ sung (trong trường hợp cần thiết).</u> <u>3. Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình thị trường; tình hình đầu tư; đối chiếu số tiền đầu tư, số tiền đến hạn thu hồi và số dư của từng khoản đầu tư, đối tượng đầu tư để phục vụ cho việc xác định lãi suất đầu tư, thu hồi tiền gốc, lãi kịp thời, đầy đủ, đúng hạn.</u> <u>4. Thực hiện kiểm soát, kiểm toán nội bộ để rà soát, đánh giá độc lập việc tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế nghiệp vụ trong hoạt động đầu tư; kịp thời phát hiện, đề xuất biện pháp phòng ngừa, quản lý rủi ro.</u> <u>5. Trích lập dự phòng rủi ro theo quy định về chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, xử lý rủi ro theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.</u> <u>6. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán theo khoản 7 Điều 30 Luật Bảo hiểm tiền gửi.</u>	
		<u>Điều 13. Các quy chế nghiệp vụ</u> <u>1. Quy chế đầu tư, bao gồm tối thiểu các</u>	DTTT quy định một số nội dung tối thiểu tại các quy

		<u>nội dung sau: tiêu chí danh mục đầu tư; quy trình xây dựng cơ cấu đầu tư và các biện pháp để đạt được cơ cấu đầu tư; quy trình xây dựng phương án đầu tư hằng năm và phương án đầu tư 6 tháng; quy trình, thủ tục, hồ sơ đầu tư đối với từng khoản đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Bảo hiểm tiền gửi; chế độ báo cáo; trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân có liên quan.</u> <u>2. Quy chế quản lý rủi ro bao gồm tối thiểu các nội dung sau: các loại rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư; nhận diện, phòng ngừa, xử lý đối với từng loại rủi ro; cách thức, tần suất tự kiểm tra, kiểm soát đối với các loại rủi ro; quy trình xử lý khi phát sinh rủi ro; trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân có liên quan.</u> <u>3. Quy chế kiểm toán nội bộ bao gồm các nội dung cơ bản sau: phạm vi, cách thức, quy trình, tần suất thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động đầu tư; trách nhiệm phối hợp của các đơn vị, cá nhân khi tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ, quy trình xử lý các kiến nghị của kiểm toán nội bộ, chế độ báo cáo.</u>	chế nghiệp vụ đã nêu tại Điều 12 DTTT. Các nội dung tối thiểu đảm bảo yêu cầu quản lý, kiểm soát rủi ro, trách nhiệm cụ thể của các đơn vị, phòng ban thuộc BHTG đối với hoạt động đầu tư.
		Điều 14. Kiểm toán nội bộ về hoạt động đầu tư <u>Định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu quản lý, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động đầu tư</u>	Quy định cụ thể về trách nhiệm kiểm toán nội bộ của BHTG. Báo cáo kiểm toán nội bộ về hoạt động đầu tư được gửi NHNN theo quy

		<u>để đánh giá việc tuân thủ quy định của pháp luật, phương án đầu tư hằng năm, phương án đầu tư 6 tháng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy chế nghiệp vụ, quy trình liên quan đến hoạt động đầu tư.</u>	định về trách nhiệm gửi báo cáo tại Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật BHTG
		<u>Điều 15. Nguyên tắc xử lý rủi ro</u> <u>1. Đối với các khoản đầu tư bị chậm hoặc không thanh toán được lãi hoặc gốc:</u> a) <u>Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ trên cơ sở đàm phán giữa Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các bên liên quan phù hợp quy định của pháp luật.</u> b) <u>Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.</u> <u>2. Nguyên tắc xử lý rủi ro:</u> a) <u>Khoản đầu tư được thực hiện theo đúng thẩm quyền và phương thức đầu tư;</u> b) <u>Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh khoản đầu tư bị rủi ro do nguyên nhân khách quan làm thiệt hại một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư (tiền gốc, lãi);</u> c) <u>Việc xử lý rủi ro được xem xét đối với từng trường hợp cụ thể căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến rủi ro, mức độ rủi ro, đảm bảo đầy đủ hồ sơ pháp lý, đúng trình tự và quy định của pháp luật;</u> <u>3. Một khoản đầu tư bị rủi ro có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp xử lý rủi ro quy định tại khoản 1 Điều này.</u>	DTT quy định nguyên tắc xử lý rủi ro cơ bản đối với khoản đầu tư có rủi ro.

		CHƯƠNG IV CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM	
		<u>Điều 16. Cung cấp thông tin</u> <u>1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm thiết lập, lưu giữ đầy đủ, chính xác và cập nhật liên tục hệ thống dữ liệu về người gửi tiền, tiền gửi, các khoản nợ của người gửi tiền và số tiền gửi được bảo hiểm quy định tại Phụ lục I Thông tư này.</u> <u>2. Định kỳ hàng Tháng, Quý, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi gửi báo cáo về tiền gửi được bảo hiểm và phí bảo hiểm tiền gửi cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo Phụ lục I Thông tư này.</u> <u>3. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm đột xuất theo yêu cầu bằng văn bản của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.</u> <u>4. Đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thuộc diện can thiệp sớm hoặc kiểm soát đặc biệt báo cáo chi tiết về tiền gửi và số tiền gửi được bảo hiểm định kỳ hàng tháng hoặc theo yêu cầu đột xuất của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Phụ lục IV Thông tư này.</u> <u>5. Trong trường hợp phục vụ công tác chuẩn bị trả tiền bảo hiểm, diễn tập trả tiền bảo hiểm hoặc thực nghiệm hệ thống,</u>	DTTT hướng dẫn khoản 5 Điều 14 Luật BHTG. Đối với Phụ lục Danh mục thông tin được xây dựng căn cứ thực tiễn việc cung cấp thông tin đang được triển khai (theo Quy chế của BHTGVN) và các thông tin được bổ sung nhằm phục vụ việc tính phí BHTG.

		<u>tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm cung cấp danh sách chi tiết khách hàng và các dữ liệu liên quan tại khoản 1 Điều này theo yêu cầu của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Thời hạn cung cấp thông tin không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.</u> <u>6. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có quyền từ chối cung cấp thông tin không liên quan đến nội dung kiểm tra.</u>	
		<u>Điều 17. Kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi</u> <u>1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về đối tượng, nội dung, phạm vi, thời hạn kiểm tra theo các quy định sau:</u> <u>a) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại khoản này và gửi Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trước khi quy chế này được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải gửi Ngân hàng Nhà nước Quy chế kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;</u> <u>b) Quy chế kiểm tra tổ chức tham gia bảo</u>	Quy định cụ thể về trách nhiệm ban hành Quy chế kiểm tra, gửi báo cáo kết quả kiểm tra của BHTG và trách nhiệm phối hợp của BHTGVN trong quá trình NHNN xây dựng kế hoạch, nội dung kiểm tra của BHTGVN.

		<u>hiểm tiền gửi phải được Hội đồng quản trị phê duyệt và đảm bảo có tối thiểu các nội dung sau:</u> <u>(i) Nguyên tắc kiểm tra;</u> <u>(ii) Quy trình thực hiện kiểm tra;</u> <u>(iii) Trách nhiệm của từng phòng, ban thuộc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.</u> <u>2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam:</u> <u>(i) Báo cáo kết quả kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính;</u> <u>(ii) Báo cáo kết quả kiểm tra các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khác cho Thanh tra Ngân hàng Nhà nước.</u> <u>3. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc xây dựng kế hoạch, nội dung kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.</u>	
		Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN	
		Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước 1. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng: a) Giám sát Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi;	

	b) <u>Có ý kiến đối với đề xuất giao Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.</u> 2. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước: a) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm tiền gửi; b) Kiểm tra, thanh tra Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra việc sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; d) <u>Chủ trì, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; có ý kiến và tiếp nhận Quy chế kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.</u> 3. Vụ Chính sách tiền tệ: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan để tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định mức lãi suất	Căn cứ thông tin, số liệu giám sát vi mô, Cục QLGS có trách nhiệm tham gia ý kiến trong quá trình Thanh tra NHNN xây dựng kế hoạch, nội dung kiểm tra của BHTGVN Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Thanh tra NHNN là đơn vị trình Thống đốc giao BHTG thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia BHTG.
--	---	---

		tiền gửi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Ngân hàng Nhà nước. 4. Sở Giao dịch: Hướng dẫn Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện việc gửi tiền tại Ngân hàng Nhà nước, mua tín phiếu Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật. 5. Ngân hàng Nhà nước Khu vực: a) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm tiền gửi trên địa bàn; b) <u>Có ý kiến đối với đề xuất giao Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.</u>	Căn cứ tình hình thực tiễn trên địa bàn, NHNN Chi nhánh tại các Khu vực có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với nội dung, kế hoạch kiểm tra của BHTGVN do Thanh tra NHNN xây dựng.
		Điều 19. Trách nhiệm tổ chức thực hiện <u>1. Hội đồng quản trị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Tổng giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.</u> <u>2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thi hành</u>	

		<u>Thông tư này.</u>	
		Điều 20. Điều khoản thi hành <u>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.</u> <u>2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 24/2014/TT-NHNN ngày 6 tháng 9 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi hết hiệu lực thi hành.</u>	
		Phụ lục I Các Phụ lục mẫu biểu báo cáo	Danh sách các phụ lục mẫu biểu báo cáo: Tên, phương thức, định kỳ, thời gian gửi thông tin, báo cáo
		Phụ lục II Báo cáo chi tiết tiền gửi được bảo hiểm	Bổ sung trường thông tin: Loại tiền gửi được bảo hiểm, Kỳ hạn tiền gửi, Lãi suất áp dụng: Nhằm mục tiêu giám sát, đánh giá việc tuân thủ quy định về lãi suất đồng thời là căn cứ để đánh giá nguyên nhân biến động số dư tiền gửi được bảo hiểm Đối với một số nội dung bổ sung, thời hạn cung cấp thông tư kể từ ngày 01/11/2026 để các tổ chức tham gia BHTG có thời gian chuẩn bị hệ thống kỹ thuật cung cấp thông tin.

		Phụ lục III Bảng tính phí Bảo hiểm tiền gửi định kỳ	Bổ sung STT 3. Mức phí áp dụng, STT 5. Số phí bảo hiểm được miễn nộp, STT 6a. Số phí bảo hiểm còn thiếu được tạm hoãn để phù hợp quy định tại Luật BHTG về trường hợp được miễn, tạm hoãn.
		Phụ lục IV	Bổ sung thông tin về mức phí áp dụng, Thông tin tài khoản để tạo thuận tiện trong hoạt động nghiệp vụ thu phí BHTG
		Phụ lục V Báo cáo số dư tiền gửi bằng đồng Việt Nam	Bổ sung thông tin tổng số tiền gửi không được bảo hiểm của cá nhân để phù hợp quy định mới trong luật BHTG
		Phụ lục VI Bảng kê số dư tiền gửi không được bảo hiểm của cá nhân	Bổ sung Phụ lục bảng kê này nhằm thống kê các khoản tiền gửi không được bảo hiểm cụ thể theo quy định tại Luật BHTG
		Phụ lục VII Tổng hợp về việc trả tiền bảo hiểm	Bổ sung Phụ lục phục vụ cho công tác mô phỏng, diễn tập trả tiền bảo hiểm và đảm bảo tổ chức tham gia BHTG duy trì việc cập nhật các mẫu biểu điện tử phục vụ hoạt động BHTG
		Phụ lục VIII, IX, X, XI, XII, XIII, XIV	Bổ sung các Phụ lục phục

			vụ công tác chi trả, kiểm tra, tham gia Kiểm soát đặc biệt
--	--	--	---